TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:129/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 611/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 107/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1987; thường trú: Thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q; tạm trú: 1069 ĐT 743, khu phố C, phường T, tHnh phố D, tỉnh B, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Đoàn Văn D, sinh năm 1981; thường trú: Số 42C3, khu phố 11, phường T, tHnh phố B, tỉnh Đ; địa chỉ nơi làm việc: Công ty cổ phần bao bì bia S, đường số 2, khu công nghiệp T, phường T, tHnh phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, chị Trần Thị Ngọc H và anh Đoàn Văn D tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q vào ngày 22/02/2007 theo giấy chứng nhận

kết hôn số 06, quyển số 01/2007. Việc kết hôn của chị H và anh D là tự nguyện và được hai bên gia đình chấp nhận. Sau khi kết hôn, chị H và anh D cùng sinh sống tại số 42C3, khu phố 11, phường T, tHnh phố B, tỉnh Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, anh D không cùng chị H chăm lo kinh tế trong gia đình và anh D hay chửi bới xúc phạm chị H. Vợ chồng ly thân nhau được 07 năm. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị Ngọc H yêu cầu được ly hôn với anh Đoàn Văn D.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Trần Thị Ngọc H và anh Đoàn Văn D có với nhau 01 con chung là cháu Đoàn Quốc H, sinh ngày 01/5/2008. Hiện tại con chung đang sinh sống cùng với chị H. Chị H yêu cầu sau ly hôn con chung sẽ do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đoàn Văn D: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến Hnh tống đạt thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu anh D có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh D đã từ chối nhận văn bản tố tụng, do đó Tòa án tiến Hnh niêm yết nhưng anh D cũng không có ý kiến, đồng thời không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh D tham gia hòa giải vào ngày 22/8/2020 nhưng anh D vắng mặt không có lý do, chị H có đơn từ chối hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến Hnh hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, Tòa án tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu anh D tham gia phiên tòa vào ngày 11/9/2020 và ngày 29/9/2020 nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Quá trình tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp Hnh và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp Hnh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa vào các ngày 11/9/2020 và ngày 29/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhân dân tHnh phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Đoàn Văn D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 11/9/2020 và ngày 29/9/2020 nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Đoàn Văn D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q vào ngày 22/02/2007 theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, chị H xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn cụ thể là không hợp tính tình, thường xuyên cãi nhau, anh D không cùng chị chăm lo kinh tế trong gia đình và còn thường xuyên chửi bới xúc phạm chị, vợ chồng không còn sống chung với nhau cách đây 07 năm. Quá trình tố tụng, Tòa án tiến Hnh xác minh tình trạng mâu thuẫn của anh, chị tại địa phương, tuy nhiên chính quyền địa phương không biết về mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị. Tòa án triệu tập anh D đến Tòa án để hòa giải, Hn gắn tình cảm vợ chồng, có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do chị H cung cấp nhưng anh D không đến. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bên cạnh đó anh, chị đã ly thân với nhau trong một thời gian dài. Vì vậy, chị H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh, chị có với nhau 01 con chung là cháu Đoàn Quốc H, sinh ngày 01/5/2008. Hiện cháu H đang chung sống cùng với chị H. Việc giao con cho ai nuôi phải bảo đảm quyền lợi của con chưa tHnh niên. Xét thấy, trong suốt quá trình tố tụng anh D không có ý kiến thể hiện nguyện vọng mong muốn nuôi con chung hay không, hơn nữa trong khoảng thời gian hai vợ chồng không sống chung với nhau thì con chung do chị H nuôi dưỡng, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu H, nên cần tiếp tục giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng đúng với nguyện vọng của cháu H. Do đó, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị Trần Thị Ngọc H tự nguyện không yêu cầu anh Đoàn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đoàn Văn D (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q cấp ngày 22/02/2007).

2. Về con chung: Anh Đoàn Văn D có trách nhiệm giao con chung là cháu Đoàn Quốc Huy, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Trần Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu anh Đoàn Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Đoàn Văn D có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con. Chị Trần Thị Ngọc H không có quyền cản trở anh Đoàn Văn D thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trần Thị Ngọc H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040851 ngày 02/7/2020 của Chi cục thi Hnh án dân sự tHnh phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tHnh phố Dĩ An;
- Chi cục THADS tHnh phố Dĩ An;
- UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Q;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 29 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hiếu Trọn.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

Căn cứ vào Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào hồi giờ phút ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến Hnh nghị án đối với vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Trang, sinh năm 1990; thường trú: 18/6A, khu phố Đông Chiêu, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

- Bị đơn: Anh Lê Thái Hòa, sinh năm 1987; thường trú: 23/24, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; hiện đang chấp Hnh án phạt tù tại trại giam Tống Lê Chân, Tổng cục VIII – Bộ Công An.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa sơ thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ; sau khi thảo luận, tHnh viên Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất các vấn đề sau:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh Trang được ly hôn với anh Lê Thái Hòa.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về con chung: Buộc anh Lê Thái Hòa giao con chung là cháu Lê Minh Nhựt, sinh ngày 19/10/2009 cho chị Nguyễn Thị Minh Trang trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh Trang không yêu cầu anh Lê Thái Hòa cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh Trang và anh Lê Thái Hòa đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh Lê Thái Hòa lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị Nguyễn Thị Minh Trang nuôi con thì chị Nguyễn Thị Minh Trang có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lê Thái Hòa theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh Trang phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019365, ngày 08/5/2018 của Chi cục thi Hnh án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt các đương sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

6. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**